

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-34



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thùy	Ủy viên
Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên
Ông Phạm Minh Đức	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tư vấn đầu tư
Ông Phạm Đức Phiên	Giám đốc dịch vụ khách hàng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Vê	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Luyện	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 07 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	(Số đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		347.979.141.607	325.287.950.918
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	174.624.699.922	181.346.323.828
111	1. Tiền		129.224.699.922	146.346.323.828
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.400.000.000	35.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	100.027.041.837	90.768.517.057
121	1. Đầu tư ngắn hạn		105.834.991.706	97.885.506.706
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.807.949.869)	(7.116.989.649)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	68.025.363.767	48.415.171.244
131	1. Phải thu của khách hàng		3.616.453.073	3.840.513.639
132	2. Trả trước cho người bán		4.239.909.300	4.129.963.300
138	5. Các khoản phải thu khác		121.942.980.646	89.968.691.160
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.773.979.252)	(49.523.996.855)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.302.036.081	4.757.938.789
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		362.971.138	234.667.644
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.715.316.364	1.715.316.364
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	2.051.500.933	2.022.898.135
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.172.247.646	785.056.646
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.523.860.794	54.168.769.251
220	II. Tài sản cố định		31.081.991.619	32.499.646.129
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.252.755.117	3.958.041.141
222	- Nguyên giá		13.878.923.682	13.878.923.682
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.626.168.565)	(9.920.882.541)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	3.544.552.866	4.256.921.352
228	- Nguyên giá		12.342.191.080	12.342.191.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.797.638.214)	(8.085.269.728)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	24.284.683.636	24.284.683.636
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	10.201.527.355	14.982.757.600
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		27.949.406.970	27.949.406.970
258	4. Đầu tư dài hạn khác		16.021.400.000	16.021.400.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.769.279.615)	(28.988.049.370)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.240.341.820	6.686.365.522
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		137.681.895	264.857.117
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	7.102.659.925	6.421.508.405
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		396.503.002.401	379.456.720.169

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	(Số đã điều chỉnh) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		106.084.165.621	79.387.060.502
310	I. Nợ ngắn hạn		106.084.165.621	79.387.060.502
312	2. Phải trả người bán		5.344.500	71.344.500
313	3. Người mua trả tiền trước		282.450.000	3.304.450.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	390.745.352	822.894.357
315	5. Phải trả người lao động		543.156.378	1.081.833.095
316	6. Chi phí phải trả		451.977.035	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		275.376.425	215.002.063
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	102.438.999.620	73.084.242.976
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.695.004.815	806.182.015
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.111.496	1.111.496
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		290.418.836.780	300.069.659.667
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	290.418.836.780	300.069.659.667
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	401.306.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	71.723.672.400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	(14.704.390.400)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(212.461.871.951)	(202.811.049.064)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		396.503.002.401	379.456.720.169

30/11/15
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
HÀNG
HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký		1.090.020.340.000	1.206.692.450.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		931.091.070.000	1.068.763.260.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		22.233.330.000	22.407.050.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		907.998.670.000	1.045.154.970.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		859.070.000	1.201.240.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		116.328.280.000	116.343.730.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		116.328.280.000	116.343.730.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		19.350.560.000	21.326.600.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	700.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		19.350.560.000	20.626.600.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		23.250.430.000	258.860.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		215.890.000	60.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		23.034.540.000	258.800.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		85.020.750.000	35.596.550.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		77.788.750.000	35.596.550.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		5.850.000	5.740.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		77.738.170.000	35.557.880.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		44.730.000	32.930.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		7.232.000.000	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		7.232.000.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		27.949.406.970	27.374.690.000

S-C
 TY
 HỮU
 TIÊN T
 AS
 KIỂM



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vũ Thị Thu Huyền
Người lập

Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	16.920.111.175	20.986.699.118
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3.708.247.366	9.558.217.222
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		5.167.428.140	1.216.454.440
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		512.194.782	59.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		249.495.193	249.531.933
01.9	Doanh thu khác		7.282.745.694	9.903.495.523
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	16.920.111.175	20.986.699.118
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	17.123.345.491	8.282.939.105
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(203.234.316)	12.703.760.013
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	9.447.588.571	3.107.510.740
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.650.822.887)	9.596.249.273
31	8. Thu nhập khác		-	6.500.000.000
32	9. Chi phí khác		-	9.827.878.600
40	10. Lợi nhuận khác		-	(3.327.878.600)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.650.822.887)	6.268.370.673
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.650.822.887)	6.268.370.673
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(243)	158

Vũ Thị Thu Huyền
Người lập

Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(9.650.822.887)	6.268.370.673
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.417.654.510	1.420.639.131
03	- Các khoản dự phòng		15.722.172.862	(381.581.290)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.341.763.834)	(6.921.524.163)
06	- Chi phí lãi vay		-	437.683.336
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.852.759.349)	823.587.687
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(35.535.381.350)	24.524.336.917
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		8.950.515.000	(16.615.634.052)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26.697.105.119	18.192.016.531
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.128.272)	(848.949.375)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(437.683.336)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.741.648.852)	25.637.674.372
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(64.460.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	5.850.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(57.350.000.000)	(40.450.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		40.450.000.000	14.600.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.920.024.946	12.706.449.985
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.979.975.054)	(7.358.010.015)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	164.300.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(164.300.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.721.623.906)	18.279.664.357

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
CƠ QUAN TRÁCH NHIỆM
HÀNG A
KHOẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		181.346.323.828	113.423.628.083
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	174.624.699.922	131.703.292.440



Vũ Thị Thu Huyền
Người lập

Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2015



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 tháng đầu năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2015
		(Số đã điều chỉnh)			
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	-	-	401.306.200.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	71.723.672.400	-	-	71.723.672.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
4.	Cổ phiếu quỹ	(14.704.390.400)	-	-	(14.704.390.400)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
8.	Quỹ dự phòng tài chính	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(202.811.049.064)	(9.650.822.887)	-	(212.461.871.951)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	300.069.659.667	(9.650.822.887)	-	290.418.836.780

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2014
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	-	-	401.306.200.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	71.723.672.400	-	-	71.723.672.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
4.	Cổ phiếu quỹ	(14.704.390.400)	-	-	(14.704.390.400)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
8.	Quỹ dự phòng tài chính	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(216.134.824.243)	6.268.370.673	-	(209.866.453.570)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	286.745.884.488	6.268.370.673	-	293.014.255.161



Vũ Thị Thu Huyền
Người lập



Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng





Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 401.306.200.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 401.306.200.000 đồng; tương đương 40.130.620 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là HPC.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 328, Võ Văn Kiệt, Lầu 4, Center Garden, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hà Nội	Số 4, Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 08 năm

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hoặc chu kỳ kinh doanh.

Các chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo thỏa thuận nhận lại Lô đất số 9 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng đã bán theo hợp đồng số 02/HĐMB ngày 09/05/2007 nhưng thời gian hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất kéo dài. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu đã điều chỉnh hồi tố</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu của khách hàng	131	31.740.513.639	3.840.513.639	(27.900.000.000)	(1)
Các khoản phải thu khác	138	91.968.691.160	89.968.691.160	(2.000.000.000)	(2)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	1.715.316.364	1.715.316.364	(3)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	133.723.107	2.022.898.135	1.889.175.028	(5)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	24.284.683.636	24.284.683.636	(4)
Người mua trả tiền trước	313	204.450.000	3.304.450.000	3.100.000.000	(1)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.256.076.406	822.894.357	(433.182.049)	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(198.133.406.141)	(202.811.049.064)	(4.677.642.923)	(5)

- (1) Điều chỉnh công nợ với khách hàng khi nhận lại đất;
- (2) Điều chỉnh tiền ứng trước làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất;
- (3) Điều chỉnh các khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào, thuế giá trị gia tăng đầu ra;
- (4) Điều chỉnh giá vốn quyền sử dụng đất;
- (5) Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	3.060.210	49.211.175.000
- Cổ phiếu	3.060.210	49.211.175.000
Của người đầu tư	117.225.865	1.320.419.185.000
- Cổ phiếu	117.225.865	1.320.419.185.000
	120.286.075	1.369.630.360.000

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	26.736.859.403	73.212.914.424
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	102.394.718.313	72.246.292.764
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	61.054.159	60.341.428
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	32.068.047	826.775.212
Các khoản tương đương tiền	45.400.000.000	35.000.000.000
	174.624.699.922	181.346.323.828

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng thương mại có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,8%/năm.

3111105
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
AA
HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			31.484.991.706	40.435.506.706	232.250.183	296.953.073	(5.807.949.869)	(7.116.989.649)	25.909.292.020	33.615.470.130
Chứng khoán niêm yết			16.473.889.390	25.424.833.910	232.250.183	296.953.073	(316.075.573)	(700.032.783)	16.390.064.000	25.021.754.200
- HAP	35.982	35.982	550.020.081	550.020.081	-	-	(308.940.681)	(258.565.881)	241.079.400	291.454.200
- CII	3	900.003	106.970	18.704.106.970	-	-	(35.870)	(434.046.070)	71.100	18.270.060.900
- SAM	1.379.088	495.878	15.906.222.520	6.152.737.520	229.107.080	293.676.480	-	-	16.135.329.600	6.446.414.000
- Các cổ phiếu lẻ khác			17.539.819	17.969.339	3.143.103	3.276.593	(7.099.022)	(7.420.832)	13.583.900	13.825.100
Chứng khoán Upcom			15.001.220.600	15.001.143.800	-	-	(5.484.847.200)	(6.410.009.370)	9.516.373.400	8.591.134.430
- HPP	370.243	370.243	14.998.452.100	14.998.452.100	-	-	(5.483.207.000)	(6.408.814.500)	9.515.245.100	8.589.637.600
- Các cổ phiếu lẻ khác			2.768.500	2.691.700	-	-	(1.640.200)	(1.194.870)	1.128.300	1.496.830
Chứng khoán chưa niêm yết			9.881.716	9.528.996	-	-	(7.027.096)	(6.947.496)	2.854.620	2.581.500
- Cổ phiếu lẻ đã hủy niêm yết			9.881.716	9.528.996	-	-	(7.027.096)	(6.947.496)	2.854.620	2.581.500
Đầu tư ngắn hạn khác			74.350.000.000	57.450.000.000	-	-	-	-	74.350.000.000	57.450.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng			74.350.000.000	57.450.000.000	-	-	-	-	74.350.000.000	57.450.000.000
			105.834.991.706	97.885.506.706	232.250.183	296.953.073	(5.807.949.869)	(7.116.989.649)	100.259.292.020	91.065.470.130



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2015 (Số đã điều chỉnh)			Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015			Tổng số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	đã lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	3.840.513.639	-	487.046.220	7.433.318.228	7.657.378.794	3.616.453.073	-	2.995.764.220	(2.995.764.220)
- Phải thu hoạt động khác	3.840.513.639	-	487.046.220	7.433.318.228	7.657.378.794	3.616.453.073	-	2.995.764.220	(2.995.764.220)
Trả trước cho người bán	4.129.963.300	-	-	128.797.973	18.851.973	4.239.909.300	-	3.637.928.500	(3.637.928.500)
- Ứng trước tiền mua hàng hóa dịch vụ cho nhà cung cấp	4.129.963.300	-	-	128.797.973	18.851.973	4.239.909.300	-	3.637.928.500	(3.637.928.500)
Các khoản phải thu khác	89.968.691.160	-	49.036.950.635	413.009.150.230	381.034.860.744	121.942.980.646	-	55.140.286.532	(55.140.286.532)
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.217.975.000	-	2.034.975.000	-	-	19.217.975.000	-	2.034.975.000	(2.034.975.000)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	10.386.631.492	-	-	287.791.931.678	285.649.804.740	12.528.758.430	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	50.681.505.235	-	46.939.975.635	-	152.792.350	50.528.712.885	-	50.528.712.885	(50.528.712.885)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.854.405.556	-	-	276.144.444	2.854.405.556	276.144.444	-	-	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	-	-	-	-	100.000.000	-	-	-
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	4.150.000.000	-	-	124.930.000.000	92.370.000.000	36.710.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	2.578.173.877	-	62.000.000	11.074.108	7.858.098	2.581.389.887	-	2.576.598.647	(2.576.598.647)
	97.939.168.099	-	49.523.996.855	420.571.266.431	388.711.091.511	129.799.343.019	-	61.773.979.252	(61.773.979.252)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01/01	49.523.996.855	50.235.892.474
Trích lập/hoàn nhập	12.249.982.397	(1.413.287.119)
Tại ngày 30/06	61.773.979.252	48.822.605.355

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015 (Số đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	386.784.385	358.181.587
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.664.716.548	1.664.716.548
	2.051.500.933	2.022.898.135

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	985.953.500	598.762.500
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	186.294.146	186.294.146
	1.172.247.646	785.056.646

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	11.692.530.578	2.038.209.512	148.183.592	13.878.923.682
Tại ngày 30/06/2015	11.692.530.578	2.038.209.512	148.183.592	13.878.923.682
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	8.375.452.156	1.448.011.276	97.419.109	9.920.882.541
Trích khấu hao	599.030.518	101.910.474	4.345.032	705.286.024
Tại ngày 30/06/2015	8.974.482.674	1.549.921.750	101.764.141	10.626.168.565
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	3.317.078.422	590.198.236	50.764.483	3.958.041.141
Tại ngày 30/06/2015	2.718.047.904	488.287.762	46.419.451	3.252.755.117

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.558.778.133 đồng

0100
C
TRÁCH
HÃNG
A
ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	2.095.274.540	10.246.916.540	12.342.191.080
Tại ngày 30/06/2015	<u>2.095.274.540</u>	<u>10.246.916.540</u>	<u>12.342.191.080</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	1.351.967.912	6.733.301.816	8.085.269.728
Trích khấu hao	133.909.422	578.459.064	712.368.486
Tại ngày 30/06/2015	<u>1.485.877.334</u>	<u>7.311.760.880</u>	<u>8.797.638.214</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	743.306.628	3.513.614.724	4.256.921.352
Tại ngày 30/06/2015	<u>609.397.206</u>	<u>2.935.155.660</u>	<u>3.544.552.866</u>

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 (Số đã điều chỉnh) VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.284.683.636	24.284.683.636
Lô đất số 9 Hoàng Diệu Thành phố Hải Phòng	24.284.683.636	24.284.683.636
	<u>24.284.683.636</u>	<u>24.284.683.636</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán			27.949.406.970	27.949.406.970	-	193.171.400	(22.987.879.615)	(18.206.649.370)	4.961.527.355	9.935.929.000
Chứng khoán chưa niêm yết			27.949.406.970	27.949.406.970	-	193.171.400	(22.987.879.615)	(18.206.649.370)	4.961.527.355	9.935.929.000
- Công ty CP Đức Tân Long	990.910	990.910	11.890.920.000	11.890.920.000	-	-	(11.395.465.000)	(10.404.555.000)	495.455.000	1.486.365.000
- Công ty CP Bao bì Bia-Rượu-Nước Giải khát	17.710	17.710	180.642.000	180.642.000	-	-	(56.672.000)	(3.542.000)	123.970.000	177.100.000
- Công ty CP Cơ khí Động tàu Thủy sản Việt Nam	104.641	104.641	643.956.600	643.956.600	-	193.171.400	(313.814.245)	-	330.142.355	837.128.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	132.709	132.709	1.881.600.000	1.881.600.000	-	-	(1.483.473.000)	(819.928.000)	398.127.000	1.061.672.000
- Công ty CP Dược phẩm TW3	24.000	24.000	850.000.000	850.000.000	-	-	(682.000.000)	(610.000.000)	168.000.000	240.000.000
- Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin	300.000	300.000	4.048.500.000	4.048.500.000	-	-	(2.548.500.000)	(1.198.500.000)	1.500.000.000	2.850.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	133.333	133.333	1.906.788.370	1.906.788.370	-	-	(1.773.455.370)	(1.373.456.370)	133.333.000	533.332.000
- Công ty CP Dệt may Đông Á	20.000	20.000	360.000.000	360.000.000	-	-	(320.000.000)	(220.000.000)	40.000.000	140.000.000
- Công ty CP Bột mì Bình An	266.666	266.666	4.110.000.000	4.110.000.000	-	-	(4.110.000.000)	(3.576.668.000)	-	533.332.000
- Công ty CP SIVICO	125.000	125.000	2.077.000.000	2.077.000.000	-	-	(304.500.000)	-	1.772.500.000	2.077.000.000
Đầu tư dài hạn khác			16.021.400.000	16.021.400.000	-	-	(10.781.400.000)	(10.781.400.000)	5.240.000.000	5.240.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	16.021.400.000	16.021.400.000	-	-	(10.781.400.000)	(10.781.400.000)	5.240.000.000	5.240.000.000
			43.970.806.970	43.970.806.970	-	193.171.400	(33.769.279.615)	(28.988.049.370)	10.201.527.355	15.175.929.000

Ghi chú:

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình dựa trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi 3 Công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí; Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.368.380.999	4.055.878.712
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.614.278.926	2.245.629.693
Số dư cuối kỳ	<u>7.102.659.925</u>	<u>6.421.508.405</u>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u> (Số đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	35.748.106	13.886.629
Thuế Thu nhập cá nhân	354.997.246	809.007.728
	<u>390.745.352</u>	<u>822.894.357</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	102.426.786.360	73.073.067.976
Phải trả về đặt cọc đấu giá cổ phần	12.213.260	11.175.000
	<u>102.438.999.620</u>	<u>73.084.242.976</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2014								
Tại ngày 01/01/2014	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(216.134.824.243)	286.745.884.488
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.268.370.673	6.268.370.673
Tại ngày 30/06/2014	<u>401.306.200.000</u>	<u>71.723.672.400</u>	<u>4.352.332.126</u>	<u>(14.704.390.400)</u>	<u>35.850.562.479</u>	<u>4.352.332.126</u>	<u>(209.866.453.570)</u>	<u>293.014.255.161</u>
6 tháng đầu năm 2015								
Tại ngày 01/01/2015	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(202.811.049.064)	300.069.659.667
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(9.650.822.887)	(9.650.822.887)
Tại ngày 30/06/2015	<u>401.306.200.000</u>	<u>71.723.672.400</u>	<u>4.352.332.126</u>	<u>(14.704.390.400)</u>	<u>35.850.562.479</u>	<u>4.352.332.126</u>	<u>(212.461.871.951)</u>	<u>290.418.836.780</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Vũ Dương Hiền	49.036.600.000	12,22%	49.036.600.000	12,22%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	26.484.400.000	6,60%	26.484.400.000	6,60%
Công ty TNHH MTV Xổ số và Đầu tư Tài chính Hải Phòng	9.800.000.000	2,44%	9.800.000.000	2,44%
Các cổ đông khác	311.614.600.000	77,65%	311.614.600.000	77,65%
Cổ phiếu quỹ	4.370.600.000	1,09%	4.370.600.000	1,09%
	<u>401.306.200.000</u>	<u>100%</u>	<u>401.306.200.000</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	401.306.200.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	401.306.200.000	401.306.200.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	401.306.200.000	401.306.200.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.130.620	40.130.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.130.620	40.130.620
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.130.620	40.130.620
Số lượng cổ phiếu được mua lại	437.060	437.060
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	437.060	437.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.693.560	39.693.560
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.693.560	39.693.560
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	16.920.111.175	20.986.699.118
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.708.247.366	9.558.217.222
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.167.428.140	1.216.454.440
- Doanh thu hoạt động tư vấn	512.194.782	59.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	249.495.193	249.531.933
- Doanh thu khác	7.282.745.694	9.903.495.523
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16.920.111.175	20.986.699.118

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	654.893.064	1.333.626.385
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17.850.409	36.382.830
Chi phí hoạt động tư vấn	184.319.031	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	287.999.570	354.305.805
Chi phí dự phòng	11.154.048.465	1.031.705.829
Chi phí trực tiếp chung	4.824.234.952	5.526.918.256
	17.123.345.491	8.282.939.105

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.807.254.051	2.659.955.375
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	79.791.917	101.704.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	210.231.383	210.047.167
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	4.568.124.397	(1.413.287.119)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	670.795.527	692.188.220
Chi phí khác bằng tiền	1.106.391.296	851.902.665
	9.447.588.571	3.107.510.740

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.650.822.887)	6.268.370.673
Các khoản điều chỉnh giảm	(145.556.999.340)	(160.468.452.444)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.059.018.140)	(345.907.240)
- Chuyển lỗ các năm trước	(143.497.981.200)	(160.122.545.204)
Tổng thu nhập tính thuế	(155.207.822.227)	(154.200.081.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.664.716.548)	(133.723.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(1.664.716.548)	(133.723.107)

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(9.650.822.887)	6.268.370.673
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(9.650.822.887)	6.268.370.673
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.693.560	39.693.560
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(243)	158

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	174.624.699.922	-	181.346.323.828	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	125.559.433.719	(58.136.050.752)	93.809.204.799	(49.523.996.855)
Đầu tư ngắn hạn	105.834.991.706	(5.807.949.869)	97.885.506.706	(7.116.989.649)
Đầu tư dài hạn	43.970.806.970	(33.769.279.615)	43.970.806.970	(28.988.049.370)
	449.989.932.317	(97.713.280.236)	417.011.842.303	(85.629.035.874)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác			102.719.720.545	73.370.589.539
Chi phí phải trả			451.977.035	-
			103.171.697.580	73.370.589.539

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.624.699.922	-	-	174.624.699.922
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	67.423.382.967	-	-	67.423.382.967
Đầu tư ngắn hạn	100.027.041.837	-	-	100.027.041.837
Đầu tư dài hạn	-	10.201.527.355	-	10.201.527.355
	342.075.124.726	10.201.527.355	-	352.276.652.081
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.346.323.828	-	-	181.346.323.828
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	44.285.207.944	-	-	44.285.207.944
Đầu tư ngắn hạn	90.768.517.057	-	-	90.768.517.057
Đầu tư dài hạn	-	14.982.757.600	-	14.982.757.600
	316.400.048.829	14.982.757.600	-	331.382.806.429

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	102.719.720.545	-	-	102.719.720.545
Chi phí phải trả	451.977.035	-	-	451.977.035
	103.171.697.580	-	-	103.171.697.580
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	73.370.589.539	-	-	73.370.589.539
	73.370.589.539	-	-	73.370.589.539

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . THÔNG TIN KHÁC

Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 58/2015/NQ-HPC ngày 26/04/2015 thông qua về việc hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng với Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu. Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc có liên quan đến việc hợp nhất phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	3.708.247.366	5.167.428.140	8.044.435.669	16.920.111.175	-	16.920.111.175
Chi phí bộ phận trực tiếp	654.893.064	11.171.898.874	472.318.601	12.299.110.539	-	12.299.110.539
Chi phí không phân bổ	-	-	-	4.824.234.952	-	4.824.234.952
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	3.053.354.302	(6.004.470.734)	7.572.117.068	(203.234.316)	-	(203.234.316)
Tài sản bộ phận trực tiếp	106.556.749.660	110.228.569.192	-	216.785.318.852	-	216.785.318.852
Tài sản không phân bổ	-	-	-	179.717.683.549	-	179.717.683.549
Tổng tài sản	106.556.749.660	110.228.569.192	-	396.503.002.401	-	396.503.002.401
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	102.426.786.360	-	-	102.426.786.360	-	102.426.786.360
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.657.379.261	-	3.657.379.261
Tổng nợ phải trả	102.426.786.360	-	-	106.084.165.621	-	106.084.165.621

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	13.577.436.875	1.509.861.184	1.832.813.116	16.920.111.175	-	16.920.111.175
Tài sản bộ phận	360.048.791.678	13.179.509.481	23.274.701.242	396.503.002.401	-	396.503.002.401
Nợ phải trả bộ phận	87.461.616.975	8.320.843.647	10.301.704.999	106.084.165.621	-	106.084.165.621



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	920.656.000	959.276.983

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Số liệu so sánh đã được Công ty điều chỉnh hồi tố, chi tiết tại thuyết minh số 3.

Vũ Thị Thu Huyền
Người lập

Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 07 năm 2015